

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Minh Triều

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thành Tấn

Ông Võ Văn Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Nghĩa Biên- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Trần Hữu S có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự S thẩm số: 19/2018/HSST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**Trần Hữu S**, sinh ngày: 12/10/1992; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp L, xã B, huyện K tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hán Mậu, sinh năm 1966 và bà Kha Kim Chu, sinh năm 1968; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2017 đến ngày 19/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ S vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 05/12/2017, Trần Hữu S đến nhà Lâm Thị Đ, tại ấp G, xã M, huyện Đ tỉnh Kiên Giang để rủ con bà Đ là Tiêu Anh P đi đám cưới. Khi đến nhà bà Đ, S nhìn thấy 03 chiếc xe mô tô đậu tại phòng khách, còn anh P ngủ ở sau nhà. S đi ra phía trước thấy chùm chìa khóa treo trên cánh cửa, trong đó có chìa khóa chiếc xe Exciter biển số 68X1 - 013.44 của bà Đ, thì nảy sinh ý định trộm chiếc xe Exciter. S liền lấy chùm chìa khóa đi ra sau nhà thấy chiếc bóp của

anh P để trên kệ, trong bóp có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Tiêu Anh P, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 68F5 – 4530 mang tên Trần Hoàn Vũ và 83.000 đồng. S lấy cái bóp bỏ vào túi quần rồi đi ra nhà trước mở khóa Exciter biển số 68X1 - 013.44 chạy đến huyện K. S mở bóp của anh P lấy 60.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 19 giờ ngày 06/12/2017, S bị Công an huyện K phát hiện bắt giữ cùng tang vật là chiếc xe Exciter biển số 68X1 - 013.44 và 01 cái bóp.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 54/KLĐGTS ngày 08/1/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ đã kết luận: giá trị còn lại của xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu trắng - đỏ - xám, biển kiểm soát 68X1 – 013.44 là 23.916.700 đồng.

Sau khi vụ án xảy ra, bị hại Lâm Thị Đ và Tiêu Anh P đã nhận lại tài sản, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu gì thêm.

*Tại Bản án sơ thẩm số: 19/2018/HS-ST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang:*

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2016 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Trần Hữu S 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2017 đến ngày 19/01/2018.

Ngoài ra bản án S thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử S thẩm, ngày 12/4/2018, bị cáo Trần Hữu S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát xác định đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án S thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ S vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người bị hại và trên cơ sở xem xét toàn diện, khách quan vật chứng của vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 06 giờ ngày 05/12/2017, lợi dụng chủ sở hữu S hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo Trần Hữu S đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Lâm Thị Đ là 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu trắng - đỏ - xám, biển kiểm soát 68X1 – 013.44, có giá trị 23.916.700 đồng và trộm cắp 01 cái bóp của anh Tiêu Anh P trong có chứa một số giấy tờ và số tiền 83.000 đồng, với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại đã nhận lại tài sản và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên việc Tòa án cấp S thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự là phù hợp, từ đó áp dụng khoản 1, Điều 138 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo mức hình phạt 06 (sáu) tháng tù là tương xứng và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo xin hưởng án treo với lý do là lao động duy nhất trong gia đình, tuy nhiên bị cáo còn cha, mẹ ruột và 01 người em trong độ tuổi lao động nên không có cơ sở xem xét cho bị cáo hưởng án treo. Vì vậy, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên bản án S thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định về hình sự của bản án S thẩm nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu S, giữ nguyên bản án S thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1, Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2016 của Quốc hội;

Xử phạt bị cáo Trần Hữu S 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2017 đến ngày 19/01/2018.

*Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo Trần Hữu S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

*Các quyết định khác* của Bản án số: 19/2018/HSST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- VKSND huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Minh Triều**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Tấn**

**Võ Văn Linh**

**Võ Minh Triều**

